

Bản án số: 100/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 05/7/2024

Về việc: “*Xin ly hôn và nuôi con chung*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đoạt**
Bà **Phạm Hồng Gái**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Bà **Trần Phương Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 207/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2024 về việc: “*Xin ly hôn và nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐST - HNGĐ, ngày 12/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Cẩm L**, sinh năm 1995 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: **tổ H, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.**

Bị đơn: Anh **Trương Minh T**, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: **tổ H, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Đặng Thị Cẩm L** trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2012 chị **Đặng Thị Cẩm L** và anh **Trương Minh T** đi đến hôn nhân, có sự chứng kiến của hai bên gia đình, sau đó có đăng ký kết hôn và

được UBND xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/6/2016. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nhau. Đến đầu năm 2023 mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng nên chị L và anh T đã sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được. Do đó, chị Đặng Thị Cẩm L yêu cầu được ly hôn với anh Trương Minh T.

- Về con chung: Chị Đặng Thị Cẩm L và anh Trương Minh T có 02 người con chung tên Trương Thị Cẩm H, sinh ngày 21/5/2013 và Trương Thị Tuyết N, sinh ngày 15/10/2017, hiện nay đang ở cùng anh T. Ly hôn, chị L đồng ý giao 02 người con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và chị L không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Đặng Thị Cẩm L xác định chị và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Đặng Thị Cẩm L xác định chị và anh T không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định cho anh Trương Minh T nhưng anh T vẫn vắng mặt, do đó không có lời khai của anh Trương Minh T.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang có ý kiến phát biểu:*

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đặng Thị Cẩm L ly hôn với anh Trương Minh T. Về con chung: Giao cho anh Trương Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Trương Thị Cẩm H, sinh ngày 21/5/2013 và Trương Thị Tuyết N, sinh ngày 15/10/2017 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Buộc chị Đặng Thị Cẩm L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về thẩm quyền*: Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị **Đặng Thị Cẩm L** thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại **ấp B, xã T, huyện H** nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Chị **Đặng Thị Cẩm L** có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh **Trương Minh T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1]. *Về hôn nhân*: Chị **Đặng Thị Cẩm L** và anh **Trương Minh T** là vợ chồng hợp pháp do đã được **UBND xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang** cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/6/2016. Điều đó phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn của chị **L** và anh **T** mà chị **L** đã giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị **Đặng Thị Cẩm L** và anh **Trương Minh T** phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nhau. Đến đầu năm 2023 mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng nên chị **L** và anh **T** đã sống ly thân cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng và không quan tâm hay hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh **T** để tham gia các buổi làm việc, hòa giải, phiên tòa nhưng anh **T** đều vắng mặt không có lý do và không có lời khai của anh **T**. Điều đó chứng tỏ anh **T** không có thiện chí làm việc, gạt gỡ nguyên đơn, không có giải pháp hợp lý nhằm khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ; trong khi đó chị **L** xác định không còn tình cảm, không muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với anh **T** và kiên quyết xin ly hôn. Vì vậy, đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị **L** và anh **T** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị **L** ly hôn anh **T** theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

[3.2] *Về con chung*: Chị **Đặng Thị Cẩm L** và anh **Trương Minh T** có 02 người con chung tên **Trương Thị Cẩm H**, sinh ngày 21/5/2013 và **Trương Thị Tuyết N**, sinh ngày 15/10/2017, hiện đang ở cùng anh **T**. Chị **L** đồng ý giao 02 người con chung cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và chị **L** không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của chị **L**, hơn nữa cháu **H** và **N** từ trước đến nay đều sống với anh **T**, do anh **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển tốt về mọi mặt từ khi chị và anh **T** sống ly thân với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử giao 02 người con chung cho anh **T** nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về tài sản chung: Chị **Đặng Thị Cẩm L** không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.4] Về nợ chung: Chị **Đặng Thị Cẩm L** không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.5] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị **Đặng Thị Cẩm L** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3.6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 277, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị **Đặng Thị Cẩm L** ly hôn với anh **Trương Minh T**.

2. Về con chung: Giao cho anh **Trương Minh T** được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên **Trương Thị Cẩm H**, sinh ngày 21/5/2013 và **Trương Thị Tuyết N**, sinh ngày 15/10/2017 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị **Đặng Thị Cẩm L** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị **Đặng Thị Cẩm L** có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Chị **Đặng Thị Cẩm L** không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về nợ chung: Chị **Đặng Thị Cẩm L** không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị **Đặng Thị Cẩm L** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị **L** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000955 ngày 22/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị **Đặng Thị Cẩm L** không phải nộp thêm.

6. *Quyền kháng cáo*: Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *TA tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS nhân dân huyện Hòn Đất;*
- *UBND xã Thổ Sơn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ./.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thanh Sang

